

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/9/2023  
V/v “Ly hôn giữa bà T với ông P”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Phi.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Đặng Hoàng Mich.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị T1 Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Trương Thị Ngọc T**, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bến Cát, xã ĐT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

\* Bị đơn: **Võ H P**, sinh năm 1979 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Kiến, xã PL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

\* Người có quyền lợi, N vụ liên quan.

1/ **Hồ Thị Thanh T1**, sinh năm 1986 (Đại lý Hoàng Dung) (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ao Vương, xã PL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

2/ **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Kiến, xã PL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

3/ **Lê Thị N1**, sinh năm 1947 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Kiến, xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

4/ **Võ Thanh L**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Kiến, xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

5/ **Võ Tấn T**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Kiến, xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

6/ **Võ Thị H**, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Giồng Kiến, xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

7/ **Lê Văn G**, sinh ngày 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2 Cầu Sắt, xã BT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/11/2021, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Trương Thị Ngọc T trình bày như sau:

Bà T với ông Võ H P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2021, hai bên có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 10/2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, ông P không lo làm ăn, xây dựng gia đình và có mối quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T cố gắng hàn gắn, thuyết phục ông P để xây dựng lại hạnh phúc gia đình, nhưng không có kết quả, từ đó tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng bà Trương Thị Ngọc T với ông Võ H P đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay.

Hiện tại, bà T không còn tình cảm vợ chồng với ông P nữa nên bà T yêu cầu ly hôn với ông P

- Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Võ P Hậu, sinh ngày 16/12/2019; Võ P Hiền, sinh ngày 17/7/2021. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, đồng thời yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 900.000 đồng/tháng (Chín trăm nghìn đồng trên tháng) cho mỗi con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà T, ông P còn thiếu tiền mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản của bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là **161.600.000 đồng** (Một trăm sáu mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng); Thiếu tiền mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản của ông Nguyễn Văn N với số tiền là 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng); Thiếu tiền mua thức ăn và thuốc nuôi thủy sản của ông Lê Văn G số tiền là 188.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tám

triệu đồng). Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu chia đôi nợ chung, cụ thể bà T có N vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là 80.800.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng); Ông P có N vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là 80.800.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Bà T có N vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N với số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng); Ông P có N vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N với số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Bà T có N vụ hoàn trả cho ông G số tiền là 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng); Ông P có N vụ hoàn trả cho ông G số tiền là 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng). Riêng đối với các chủ nợ là Lê Thị N1, Võ Thanh L, Võ Tấn T, Võ Thị H và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện BD, tỉnh Bến Tre, bên bà T, ông P đã trả nợ xong, không còn thiếu nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2023, bị đơn Võ H P trình bày:

Ông Võ H P thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Trương Thị Ngọc T về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và con chung, tuy nhiên ông P còn tình cảm vợ chồng với bà T nên không đồng ý ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con

Về nuôi con chung: Ông P đồng ý để bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Võ P Hậu, sinh ngày 16/12/2019; Võ P Hiền, sinh ngày 17/7/2021, đồng thời ông P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về T sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà T, đồng ý chia đôi nợ chung.

\* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

Các đương sự thực hiện quyền và N vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, người có quyền lợi, N vụ liên quan Võ Thị H, Lê Văn G không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 27, 37, 51, 56, 81, 82, 83, 84 107, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Ngọc T đối với ông Võ H P.

Về nuôi con chung: Bà Trương Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Võ P Hậu, sinh ngày 16/12/2019; Võ P Hiền, sinh ngày 17/7/2021. Ông Võ H P có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trương Thị Ngọc T 900.000 đồng/tháng (Chín trăm nghìn đồng trên tháng) cho mỗi con

chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về T sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trương Thị Ngọc T có N vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là 80.800.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng); Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N với số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Ông Võ H P có N vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là 80.800.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng); Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N với số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung); Ông Nguyễn Văn N tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Riêng đối với các chủ nợ là Lê Thị N1, Võ Thanh L, Võ Tấn T không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ nên không xem xét, giải quyết; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện BĐ, tỉnh Bến Tre có văn bản rút đơn khởi kiện do bà T, ông P đã trả nợ xong nên không xem xét. Đối với bà Võ Thị H, ông Lê Văn G đã được Tòa án thông báo để tiến hành thủ tục yêu cầu độc lập nhưng bà H, ông G không nộp đơn yêu cầu độc lập và nộp tạm ứng án phí theo quy định nên không xem xét, giải quyết. Bà H và ông G được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Võ H P, người có quyền lợi, N vụ liên quan Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung), Nguyễn Văn N, Lê Thị N1, Võ Thanh L, Võ Tấn T có yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, N vụ liên quan Võ Thị H, Lê Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về Nội dung vụ án:

Bà Trương Thị Ngọc T với ông Võ H P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đến tháng 10/2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T với ông P ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù ông P trình bày còn thương bà T, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng, ông P không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời có yêu cầu xét xử vắng mặt, không

quan tâm đến kết quả xét xử. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trương Thị Ngọc T nuôi dưỡng 02 con chung Võ P Hậu; Võ P Hiền từ nhỏ, đồng thời các cháu phát triển bình thường khỏe mạnh. Do đó, tiếp tục giao cho bà Trương Thị Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hậu và cháu Hiền để đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung là đúng pháp luật cũng như phù hợp với ý kiến của ông P.

Ông Võ H P có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trương Thị Ngọc T 900.000 đồng/tháng (Chín trăm nghìn đồng trên tháng) cho mỗi con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 11/9/2023) cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

[4] Về T sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Trương Thị Ngọc T và ông Võ H P đều có yêu cầu chia đôi nợ chung, đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật, do đó bà Trương Thị Ngọc T có N vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là 80.800.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng); Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N với số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Ông Võ H P có N vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là 80.800.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng); Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N với số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung); Ông Nguyễn Văn N tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

[6] Trong quá trình tố tụng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện BĐ, tỉnh Bến Tre có văn bản rút đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Trương Thị Ngọc T, ông Võ H P, lý do bà T, ông P đã thực hiện xong N vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh huyện BĐ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, N vụ liên quan là đúng pháp luật.

[7] Đối với người có quyền lợi, N vụ liên quan Võ Thị H, Lê Văn G đã được Tòa án thông báo để tiến hành thủ tục yêu cầu độc lập nhưng bà H, ông G không nộp đơn yêu cầu độc lập và nộp tạm ứng án phí theo quy định nên không xem xét, giải quyết. Bà H và ông G được quyền khởi kiện vụ án khác nếu có yêu cầu.

[8] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí:

Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trương Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ H P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trương Thị Ngọc T và ông Võ H P mỗi người phải chịu 5.640.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 27, 37, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 147, 227, 228; 238, 482 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Ngọc T đối với ông Võ HP.

Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Ngọc T với ông Võ HP.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Ngọc T với ông Võ HP chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Về nuôi con chung: Bà Trương Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Võ P Hậu, sinh ngày 16/12/2019; Võ P Hiền, sinh ngày 17/7/2021.

Ông Võ H P có N vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Trương Thị Ngọc T 900.000 đồng/tháng (Chín trăm nghìn đồng trên tháng) cho mỗi con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 11/9/2023) cho đến khi các con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

Ông P không trực tiếp nuôi con có quyền, N vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Bà T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 116 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về T sản chung:** Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

**4. Về nợ chung:**

Bà Trương Thị Ngọc T có N vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là 80.800.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng); Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N với số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Ông Võ H P có N vụ hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) với số tiền là 80.800.000 đồng (Tám mươi triệu tám trăm nghìn đồng); Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N với số tiền là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Ghi nhận việc bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung); Ông Nguyễn Văn N tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**5. Về án phí.**

**5.1. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:**

Bà Trương Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005886 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

**5.2. Về án phí cấp dưỡng nuôi con.**

Ông Võ H P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

**5.3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.**

Bà Trương Thị Ngọc T và ông Võ H P mỗi người phải chịu 5.640.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Số tiền án phí 5.640.000 đồng (Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) của bà Trương Thị Ngọc T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 9.334.000 đồng (Chín triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Như vậy, hoàn lại cho bà T số tiền chênh lệch còn lại là 3.694.000 đồng (Ba triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung) số tiền tạm ứng án phí mà bà Hồ Thị Thanh T1 đã nộp là 4.040.000 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006010 ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004882 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

**6. Về tiền tạm ứng chi phí tố tụng.**

Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Ngọc T số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo phiếu thu ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Trương Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Võ HP, người có quyền lợi, N vụ liên quan Hồ Thị Thanh T1 (Đại lý Hoàng Dung), Nguyễn Văn N, Lê Thị N1, Võ Thanh L, Võ Tấn T, Võ Thị H, Lê Văn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã PL  
(Số 43, quyền số 01 năm 2011);
- UBND xã ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Đăng Phi**